

Tên:

Week: 12 - GVNN

Lớp: S3...

Từ vựng & Ngữ pháp HW:

Ngày giao bài: Thứ, ngày...../.....

Đọc HW:

Ngày nộp bài: Thứ, ngày...../.....



UNIT 4: LOOK AGAIN! - OPTICAL ILLUSIONS, PREFIXES & COMMAS

A. THEORY

I. VOCABULARY

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại từ vựng nhé:

<https://on.soundcloud.com/ajBOVe9f4mAWcAUveQ>



- Optical Illusions & Hidden Pictures

No.	Words	Meanings	Pictures	No.	Words	Meanings	Pictures
1	optical illusion (phr)	ảo ảnh thị giác		6	twirl (v)	xoay tròn	
2	top (n)	phía trên		7	moustache (n)	ria mép	
3	bottom (n)	phía dưới		8	glasses (n)	kính	
4	dot (n)	chấm		9	beard (n)	râu	
5	back-to-back (phr)	quay lưng vào nhau					

*Note: n = noun: danh từ, phr = phrase: cụm từ, v = verb: động từ.

II. GRAMMAR

1. Commas in a List

Cách dùng: Dùng dấu phẩy để ngăn cách 3 từ hoặc nhiều hơn trong một danh sách.



Lưu ý: Không dùng dấu phẩy trước 'and'.



I have a pencil, a ruler and an eraser.



She likes apples, bananas and oranges.



We saw cats, dogs and rabbits.

2. Prefixes im-/ un-

Cách dùng: Thêm **im-** hoặc **un-** trước một số tính từ để tạo nghĩa ngược lại.

Công thức: un- / im- + adjective

**im-
words**

impossible

It is impossible to fly without wings.



impatient

Don't be impatient. Wait your turn.



impolite

It is impolite to shout in class.



**un-
words**

unhappy

The girl feels unhappy.



untidy

His room is untidy.



unkind

It is unkind to laugh at others.



B. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (15 questions)

I. Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển mỗi từ ở phần II. VOCABULARY. Con chép những từ sau mỗi từ 1 dòng vào vở ghi: optical illusion, back-to-back, twirl, moustache, glasses, beard, impossible, impatient, impolite, unhappy, untidy, unkind.

II. Complete the sentences. Write the missing letters. There is one example. (Hoàn thành các câu sau. Điền các chữ cái còn thiếu.)

0. I can't see well, so I wear g l a s s e s. 

1. My grandfather has a long white b _ _ _ _ on his face. 

2. The man has a small black m _ _ _ _ _ _ _ _ above his mouth. 

3. Look at the small black d _ _ . 

4. She likes to t _ _ _ _ in her new dress. 

5. The cat is sitting at the t _ _ of the tree. 

III. Circle the sentence with the correct commas. Do not use a comma before “and”.

(Khoanh câu có dấu phẩy đúng. Không dùng dấu phẩy trước “and”.)

0. A. There are apples pears and grapes at the bottom.
☒ B. There are apples, pears and grapes at the bottom.
 C. There are apples, pears, and grapes at the bottom.
1. A. This optical illusion has dots lines and circles.
 B. This optical illusion has dots, lines, and circles.
 C. This optical illusion has dots, lines and circles.
2. A. My grandpa has a beard, a moustache and glasses.
 B. My grandpa has a beard a moustache and glasses.
 C. My grandpa has a beard, a moustache, and glasses.
3. A. Mia can twirl jump and run.
 B. Mia can twirl, jump, and run.
 C. Mia can twirl, jump and run.
4. A. I put a hat a bag and a book on top of the desk.
 B. I put a hat, a bag and a book on top of the desk.
 C. I put a hat, a bag, and a book on top of the desk.
5. A. Tom, Ben and Nam stand back-to-back.
 B. Tom Ben and Nam stand back-to-back.
 C. Tom, Ben, and Nam stand back-to-back.

IV. Rewrite the sentences. Do not use “not”. Use im- or un-.

(Viết lại câu. Không dùng “not”. Dùng im- hoặc un-.)

0. The girl is **not polite**.

→ The girl is impolite.

1. It is **not possible** to carry a house.

→ _____

2. Tom is **not patient** at the shop.

→ _____

3. Nam is **not happy** today.

→ _____

4. My desk is **not tidy**.

→ _____

5. The boy is **not kind** to his sister.

→ _____

READING PRACTICE (5 questions)

I. EXTRA VOCABULARY

Con học thuộc các từ dưới đây để làm bài bên dưới và chuẩn bị cho bài kiểm tra buổi sau nhé!

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại từ vựng nhé:
<https://on.soundcloud.com/MeYSgx19MbiQ9N5XEv>



No.	Words	Meanings	Pictures	No.	Words	Meanings	Pictures
1	dirty (adj)	bẩn		4	naughty (adj)	nghech ngợm, hư	
2	take out (books) (phr)	lấy sách ra		5	treasure (n)	kho báu	
3	talk quietly (phr)	nói nhỏ		6	shout (v)	hét to	

**Note: adj = adjective: tính từ, n = noun: danh từ, phr = phrase: cụm từ, v = verb: động từ.*

II. Read the text. Choose the right words and write them on the lines.

Libraries

Example Every city has a library and most small towns have **one**

- 1** are lots of books in the library and you can take them out for one or two weeks. When you are in the library, you
- 2** to talk quietly and you can't shout. Sometimes libraries have
- 3** got CDs and films that you can listen and watch. It's naughty to eat in the library because it makes the books dirty,
- 4** and people don't want food on them. You can find books about plants, computers, sharks and trains.
- 5** There are stories about football and stories about treasures on the beach. Libraries are great!

Example	it	one	both
1	There	They	Their
2	has	having	have
3	to	with	from
4	many	no	any
5	plays	playing	played